**Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

Ngày đăng: 27/03/2019   03:37

**Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng giải quyết tốt vấn đề dân tộc và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trên tất cả các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, trong thực tiễn việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nhiều nơi vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Vì vậy, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị và gia tăng nguồn lực cho sự phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới.**

|  |
| --- |
| <https://a.tcnn.vn/Images/images/598b431dd52aecdb7af226f303ba1598_L.jpg> |
| Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay |

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc anh em cùng sinh sống (trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số) và có sự cư trú đan xen trên nhiều địa bàn của Tổ quốc. Anh em các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, luôn kề vai sát cánh trong quá trình dựng nước và giữ nước. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng vấn đề dân tộc và đã đề ra chủ trương, chính sách dân tộc với nguyên tắc nhất quán: các dân tộc “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”(1). Chính sách của Đảng được đồng bào các dân tộc ủng hộ, đón nhận và ra sức thực hiện, tạo động lực to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ và những thành tựu to lớn của cách mạng XHCN. Trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước và hội nhập quốc tế với những thời cơ và thách thức đan xen, việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân tộc, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, như: Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vv... Quan điểm, chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng về dân tộc và công tác dân tộc được thể chế hóa trong nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tư... của các cơ quan có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2010-2015, ngoài những văn bản luật, Chính phủ đã ban hành khoảng 154 chính sách về vấn đề dân tộc, được thể hiện tại 177 văn bản, 37 Nghị định và Nghị quyết của Chính phủ, 140 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ(2). Hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật về vấn đề dân tộc mang tính toàn diện trên các lĩnh vực và phủ kín các địa bàn vùng dân tộc, miền núi, đặc biệt là những chủ trương, chính sách liên quan đến xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội. Nhiều văn bản có nội dung quy định cụ thể các chế độ, chính sách được sửa đổi, bổ sung thường xuyên để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tình hình thực hiện chính sách dân tộc đối với các vùng, miền hoặc các đối tượng cụ thể. Trong nhiều chính sách đối với đồng bào DTTS đã thể hiện rõ quan điểm, tư duy đổi mới như coi trọng tính công khai, minh bạch, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; chú trọng vai trò chủ thể thực hiện chính sách của người dân, v.v.. Nhiều chính sách dân tộc khi đi vào cuộc sống đã phát huy hiểu quả tốt, được đa số đồng bào ủng hộ. Theo kết quả khảo sát cho thấy, trong số người DTTS được hỏi, có 92,6% trả lời chính sách dân tộc của Nhà nước tốt và khá tốt, chỉ có 2,8% trả lời chưa thật tốt và 4,6% trả lời khó đánh giá. Như vậy, chủ trương, chính sách, pháp luật được Đảng và Nhà nước ta xây dựng ngày càng toàn diện, đồng bộ, minh bạch, dân chủ, công bằng và nâng cao tính hiệu quả trong giải quyết vấn đề dân tộc.

Trong thực tế, nhiều chính sách, pháp luật về dân tộc, nhất là đối với đồng bào DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đã phát huy hiệu quả cao, thể hiện rõ ở các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Về kinh tế, vùng đồng bào DTTS có những bước phát triển tiến bộ rõ rệt, đời sống đồng bào được nâng lên, diện mạo vùng DTTS  khởi sắc với hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện. Các tuyến giao thông liên huyện, liên xã, đường tuần tra biên giới được làm mới, mở rộng và nâng cấp. Đến năm 2015, vùng DTTS có 100% xã và 97,8% thôn có điện, có 99,4% xã và 93,3% thôn có đường ô tô, gần 100% xã có trường tiểu học, 92,9% xã có trường trung học cơ sở, có 58,6% xã và 78,1% thôn có nhà văn hóa, 99,5% xã có trạm y tế, gần 92% số xã có điện lưới quốc gia, 80%  xã có công trình thuỷ lợi nhỏ, 65% xã có công trình phục vụ nước sinh hoạt(3). Nền kinh tế đã chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng miền núi phía Bắc đạt hơn 10%, miền Trung và Nam bộ 12%, Tây Nguyên là 12,5%. Mặt bằng thu nhập và điều kiện sinh hoạt của đồng bào DTTS không ngừng được nâng cao, nhiều hộ đã vươn lên thoát nghèo và có cuộc sống khá giả.

Về chính trị, quyền bình đẳng giữa các dân tộc theo quy định của Hiến pháp được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các dân tộc chung sống hòa hợp, đồng thuận, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và đều tích cực tham gia vào quá trình phát triển đất nước. Hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng DTTS thường xuyên được kiện toàn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS được quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Theo kết quả khảo sát về công tác đào tạo cán bộ người DTTS, có 71,3% số người DTTS được hỏi đánh giá tốt và khá tốt; về việc sử dụng cán bộ người DTTS, có 70,4% đánh giá tốt và khá tốt(4). Trong đội ngũ cán bộ, tỷ lệ cán bộ người DTTS được cơ cấu ở các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương ngày một tăng.

Về văn hóa, sự nghiệp phát triển văn hóa vùng đồng bào DTTS thu được nhiều kết quả. Thiết chế văn hóa ngày càng hoàn thiện. Theo báo cáo khảo sát, hiện 100% số xã có bưu điện, 44% số xã có nhà văn hóa; 62,5% số thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 15,9% hộ biết điệu múa truyền thống; 65,1% số hộ  được nghe đài; 88,8% số hộ được xem truyền hình; có 56,8% thôn, bản có hệ thống loa truyền thanh; 84,9% số hộ có tivi; 75,4% hộ dân tộc thiểu số có điện thoại; 7,7% số hộ có máy vi tính; 6,5% số hộ có kết nối internet(5). Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được bảo tồn và phát huy. Ý thức của đồng bào DTTS trong giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội và thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới được nâng lên. Đánh giá về công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS, có 76,9% người DTTS được hỏi đánh giá công tác này đã được làm tốt và khá tốt, 21,3% đánh giá chưa tốt và 1,9% khó đánh giá(6).

Về phát triển xã hội, sự nghiệp giáo dục và chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS có bước phát triển mới. Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư nâng cấp, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được củng cố, phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động. Các chính sách về giáo dục, đào tạo, chế độ cho giáo viên và học sinh được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng đã tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học, thu hút con em đồng bào DTTS đến trường. Tính đến tháng 7-2015, tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết đạt 79,8%, tỷ lệ đi học cấp tiểu học đạt 98,6%, tỷ lệ đi học trung học phổ thông đạt 41,8%, tỷ lệ đi học cao đẳng, đại học đạt 6,5%. Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường ở vùng đồng bào DTTS ngày càng được cải thiện và có bước phát triển vượt bậc. Hệ thống trạm y tế xã được quan tâm đầu tư, đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Đã có 48,8% người DTTS có sử dụng thẻ bảo hiểm y tế; tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số từ 15 đến 49 tuổi đến các cơ sở y tế khám thai đạt 70,9%; tỷ lệ phụ nữ có chồng sử dụng biện pháp tránh thai 76,88% và số phụ nữ dân tộc thiểu số sinh con thứ 3 trở lên giảm xuống còn 18,8% (mức trung bình cả nước là 14,48%); 63,6% phụ nữ đến cơ sở y tế sinh con; 3.395/4.126 xã có từ 90% số trẻ em người DTTS được tiêm chủng. Tuổi thọ trung bình của người dân tộc thiểu số là 73.23 (trong đó Nam 70,64 và Nữ 75,98)(7). Kết quả khảo sát về chất lượng công tác khám chữa bệnh cho đồng bào DTTS cho thấy, có 47,2% số người DTTS được hỏi đánh giá tốt, 36,3% đánh giá bình thường, 5,6% đánh giá chưa tốt và 0,9% khó đánh giá(8). Công tác xóa đói, giảm nghèo vùng DTTS thu được kết quả đáng ghi nhận: tỷ lệ hộ nghèo giảm với tốc đột trung bình 3-4%/năm, nhất là các huyện thuộc diện thực hiện Chương trình 30a; nhiều dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo rất thấp, dưới mức trung bình của cả nước như Hoa 3%, Chu Ru 4,6%, Ngái 5,5%, Sán Dìu 8,5%, ... Các đồng bào DTTS đánh giá cao chính sách xóa đói giảm nghèo, khi có tới có 79,6% số người DTTS được hỏi cho rằng công tác xóa đói giảm nghèo được thực hiện ở vùng DTTS rất hiệu quả và khá hiệu quả(9). Công tác phòng chống các tệ nạn xã hội cũng thu được những hiệu quả nhất định. Có 42,6% số người DTTS được hỏi đánh giá tốt, 46,35 đánh giá trung bình, 8,3% đánh giá chưa tốt và 2,8% khó đánh giá(10).

Về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và quốc phòng, an ninh vùng DTTS cơ bản được bảo đảm, quan hệ giữa các dân tộc được củng cố. Các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch kịp thời được ngăn chặn, việc truyền đạo trái pháp luật được kiểm soát, an ninh được duy trì, biên giới được bảo vệ. Có 36,1% người DTTS được hỏi cho rằng việc đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng đồng bào DTTS thời gian qua được thực hiện rất hiệu quả, 59,3% cho rằng khá hiệu quả, chỉ có 3,7% cho rằng không hiệu quả và có 0,9% cho rằng khó đánh giá(11).

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc, đã tăng cường phối hợp với các đối tác quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng DTTS. Hoạt động tuyên truyền đối ngoại, tổ chức giao lưu, kết nghĩa giữa nhân dân, chính quyền và lực lượng bảo vệ biên giới của nước ta với các nước láng giềng được chú trọng, góp phần tăng cường đoàn kết, hữu nghị hai bên biên giới, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề dân tộc trong thời gian qua còn một số bất cập, hạn chế cần khắc phục. Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng chính sách; chưa phân định rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cấp trong ban hành chế độ chính sách. Nhiều vấn đề của DTTS đã được Đảng xác định trong các văn kiện, nghị quyết nhưng chưa hoặc thể hiện chưa đầy đủ trong các văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết... Còn thiếu một số chính sách phát triển bền vững cho vùng đồng bào DTTS. Mặt khác, nhiều nội dung chính sách dân tộc còn có sự chồng chéo, chưa sát hợp với thực tiễn hoặc thiếu nguồn lực thực thi, làm hạn chế hiệu quả của hệ thống chính sách pháp luật. Công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc chưa được thực hiện thường xuyên. Việc rà soát xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện một số đề án, chính sách dân tộc còn chậm, chất lượng còn hạn chế.

Trong phát triển kinh tế vùng dân tộc, những năm qua tuy tốc độ tăng trưởng khá nhanh song đóng góp của khu vực này vào nền kinh tế quốc dân còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống kết cấu hạ tầng tuy được cải thiện song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Sản xuất nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, mang nặng tính tự phát, sản xuất nhỏ chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Công nghiệp địa phương, công nghiệp chế biến chưa phát triển, thương mại dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống của đồng bào các DTTS. Mặc dù công tác xóa đói giảm nghèo đã mang lại kết quả vượt bậc so với thời gian trước nhưng tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn cao; hiện vẫn còn nhiều nhóm DTTS, nhiều vùng có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp hơn so với bình quân chung của cả cộng đồng.

Hệ thống chính trị cơ sở ở một số vùng DTTS còn yếu kém. Công tác quản lý xã hội còn có sơ hở, chưa sát dân, chưa nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của đồng bào, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đội ngũ cán bộ là người DTTS tuy có tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa cao, cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở hiện nay phần lớn có trình độ học vấn trung học cơ sở, có trên 50% số cán bộ cơ sở chưa qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước, pháp luật và kinh tế.

Đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào DTTS tuy có những tiến bộ đáng kể trên nhiều mặt, song mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân còn thấp. Công tác thông tin và tiếp nhận thông tin còn gặp nhiều khó khăn. Bản sắc văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đang bị mai một. Có dân tộc đang đứng trước nguy cơ mất bản sắc văn hóa, suy giảm số lượng, chất lượng dân số. Tình trạng phổ biến là giáo dục đạt chất lượng thấp, đã phổ cập giáo dục tiểu học nhưng tỷ lệ học sinh đến trường đúng độ tuổi còn thấp, càng đến bậc học cao, số trẻ em bỏ học càng nhiều, vẫn còn nhiều người mù chữ, công tác thanh toán nạn mù chữ chưa vững chắc rất dễ bị  mù chữ trở lại. Tình trạng sức khỏe của đồng bào tuy có được cải thiện nhưng tiến bộ chậm so với mức chung của cả nước. Tỷ lệ tử của trẻ em, tỷ lệ suy dinh dưỡng, tổng tỷ suất sinh và tỷ suất tử của bà mẹ còn cao. Một số căn bệnh đặc thù như sốt rét, dịch hạch, phong, bướu cổ vẫn tồn tại ở khu vực miền núi. Dịch vụ y tế còn thấp so với nhu cầu, chất lượng khám, chữa bệnh cho đồng bào.

Tình hình an ninh, trật tự vùng DTTS vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố diễn biến phức tạp. Tình trạng khai thác lâm sản trái phép, phá rừng làm nương rẫy cùng với nạn cháy rừng xảy ra ở nhiều nơi đã ảnh hưởng trực tiếp đến độ che phủ rừng và biến đổi khí hậu. Tình trạng buôn bán trái phép ma túy, tái trồng cây thuốc phiện, nghiện hút, nhiễm HIV, hôn nhân cận huyết thống, tai nạn, di cư tự do, lừa gạt, buôn bán phụ nữ và trẻ em, lao động trái phép qua biên giới... diễn biến phức tạp.

Để khắc phục những yếu kém, hạn chế nêu trên trong giải quyết vấn đề dân tộc cần sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đồng thời phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cần chú trọng một số vấn đề sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và xã hội về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc. Cần thống nhất nhận thức, tư tưởng từ Trung ương tới địa phương về vấn đề dân tộc; về vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội trong công tác dân tộc, trong đó cán bộ, đảng viên là lực lượng nòng cốt. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Nội dung tuyên truyền phải mang tính toàn diện, tập trung hướng tới các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS; xóa bỏ tư tưởng kỳ thị dân tộc cũng như tư tưởng ỷ lại trong một số đồng bào các dân tộc; khơi dậy lòng tự hào dân tộc; kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền và lồng ghép công tác tuyên truyền với những việc làm, hành động cụ thể, gắn với lợi ích của đồng bào.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách và pháp luật về vấn đề dân tộc theo hướng bảo đảm tính toàn diện, hiệu quả, bền vững và công bằng. Cần thường xuyên rà soát lại hệ thống chính sách dân tộc đang được thực hiện, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, thậm chí loại bỏ những chính sách lỗi thời và bổ sung những chính sách mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Xây dựng chính sách cần theo hướng các chính sách bao quát được tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội vùng DTTS; không bị chồng chéo và có tác động tương hỗ; nguồn lực thực hiện chính sách được tính toán đầy đủ và được phân bổ một cách công bằng cho các đối tượng có điều kiện sống giống nhau. Đặc biệt, để bảo đảm tính hiệu quả và bền vững, việc hình thành chính sách phải dựa trên cơ sở nhận thức đầy đủ về đặc điểm dân cư, tộc người, văn hóa, điều kiện địa lý, tự nhiên, môi trường ở các vùng dân tộc. Xây dựng chính sách theo địa bàn và trình độ phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, trong điều kiện nguồn lực thực hiện chính sách hạn chế, cần xác định rõ những ưu tiên, trọng điểm trong xây dựng chính sách, trong đó đặc biệt chú trọng đến chính sách  giảm nghèo gắn với phát triển bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các DTTS.

Ba là, tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân tộc. Các cấp ủy đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bảo đảm tính hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục tập trung lãnh đạo việc kiện toàn hệ thống chính trị vùng đồng đồng bào DTTS, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc và cán bộ làm công tác dân tộc; đổi mới phương thức lãnh đạo công tác dân tộc.

Bốn là, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong giải quyết vấn đề dân tộc. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần tích cực tham gia tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách dân tộc; phối hợp với các cấp chính quyền tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào xóa bỏ tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xóa bỏ các tệ nạn xã hội; đi sâu nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, quan tâm hơn nữa đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào, nhất là đối với những người thuộc nhóm yếu thế trong xã hội như phụ nữ, người già, trẻ em, người nghèo. Đặc biệt, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, chủ động xây dựng kế hoạch tham gia vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc phản biện chính sách và giám sát quá trình thực hiện. Trong tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và chính quyền địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ và cần có biện pháp  thực hiện nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt, nhân tố tích cực trong đồng bào DTTS.

Năm là, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số

Trong phát triển kinh tế, cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, đặc biệt là các vùng trọng điểm, đi kèm với việc xác định mục tiêu, yêu cầu và các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, có tính cạnh tranh của từng vùng. Tạo môi trường thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thực hiện một số chương trình, dự án phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có lợi thế; hỗ trợ, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động và thân thiện với môi trường. Xây dựng chính sách khuyến khích đồng bào DTTS khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, vươn lên làm giàu từ những chuỗi giá trị. Xây dựng các mô hình kinh tế hộ, mô hình trang trại, hợp tác xã kiểu mới phù hợp với trình độ phát triển và đặc thù từng vùng, đồng thời mở rộng các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp đầu vào. Sắp xếp lại các nông, lâm trường quốc doanh theo hướng hỗ trợ những đơn vị làm ăn có hiệu quả, thu hút được nhiều lao động là con em đồng bào DTTS và kiên quyết giải thể những đơn vị làm ăn kém hiệu quả để thu hồi đất sản xuất giao cho đồng bào quản lý. Tập trung giải quyết tình trạng đồng bào DTTS thiếu đất sản xuất, trong đó chú ý siết chặt quản lý việc chuyển đổi, mua bán quyền sử dụng đất sản xuất trong vùng đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, cần đổi mới cách thức hỗ trợ vốn phát triển sản xuất theo hướng tập trung vào một đầu mối quản lý cũng như bảo lãnh tín chấp, tránh tình trạng hỗ trợ manh mún.

Trong giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội, cần đổi mới phương thức bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc theo hướng gắn bảo tồn với phát huy, chú trọng bảo tồn động và tính hiệu quả đối với phát triển kinh tế. Đặc biệt, cần phát huy vai trò chủ thể của người dân trong bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc. Tăng cường giao lưu và đẩy mạnh quá trình xây dựng văn hóa theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và sắc thái tộc người. Trong lĩnh vực giáo dục, cần tập trung nâng cao chất lượng dạy, học và chống tái mù chữ. Cùng với việc duy trì và phát triển mạng lưới trường nội trú và các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS, diện hộ nghèo, cần tổng kết, đánh giá khách quan việc thực hiện chế độ cử tuyển. Trong lĩnh vực y tế, trước hết cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và xây dựng đội ngũ y bác sĩ cho các trung tâm/trạm y tế cơ sở để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của đồng bào. Mặt khác, chỉnh sửa các quy định về sử dụng bảo hiểm y tế cho hợp lý theo hướng tạo thuận lợi tốt nhất cho đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, xây dựng và thực hiện đề án ngăn chặn suy thoái giống nòi ở một số DTTS có tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống, nạn tảo hôn cao. Về an sinh xã hội, cần xây dựng mạng lưới an sinh nhiều tầng để hạn chế tình trạng đói, thiếu lương thực và tái nghèo. Đồng thời, xây dựng quỹ chống rủi ro dành cho đồng bào DTTS để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương, những người có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, cần chú trọng giải quyết tốt các vấn đề xã hội đặc thù trong vùng DTTS như: mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân liên quan đến tranh chấp đất đai, niềm tin tôn giáo; tình trạng di cư tự do; quan hệ đồng tộc xuyên biên giới, vv..

Sáu là, tăng cường đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc vào mục đích xấu và đẩy mạnh hơn nữa hợp tác quốc tế trong các vấn đề liên quan đến dân tộc thiểu số. Trong đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc vào mục đích xấu, cần đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền vận động, giúp đồng bào các DTTS hiểu rõ chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện các chính sách dân tộc, qua đó củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, với chế độ. Thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình, xây dựng đội ngũ cốt cán và những người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cùng với việc nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của các DTTS, cần tăng cường hợp tác quốc tế trong các vấn đề liên quan đến dân tộc, qua đó tạo thế đan xen lợi ích và giúp các nước hiểu rõ chính sách dân tộc của Việt Nam.

PGS. TS . Lê Văn Lợi - Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh